**DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1**

*LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION*

***(Kèm theo quyết định số/attachment with decision:*** 2327 ***/QĐ – VPCNCLQG ngày*** *21* ***tháng 08 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/of BoA Director)***

| | |
|---|---|
| Tên phòng thí nghiệm: | **Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ** |
| *Laboratory:* | ***Can Tho City Natural Resource and Environment Monitoring Center*** |
| Tổ chức /Cơ quan chủ quản: | **Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Cần Thơ** |
| *Organization:* | ***Can Tho City department of Agriculture and Environment*** |
| Số hiệu/ *Code:* | **VILAS 636** |
| Chuẩn mực công nhận<br>*Accreditation criteria* | **ISO/IEC 17025:2017** |
| Lĩnh vực: | **Hóa** |
| *Field:* | ***Chemical*** |
| Người quản lý: | **Lý Quốc Sử** |
| *Laboratory manager:* | ***Ly Quoc Su*** |
| Hiệu lực công nhận<br>*Period of Validation:* | **Kể từ ngày** *21* **/08/2026 đến ngày 15/05/2030** |
| Địa chỉ:<br>*Address*: | **18 Hùng Vương, phường Sóc Trăng, Thành phố Cần Thơ**<br>***18 Hung Vuong Street, Soc Trang ward, Can Tho city*** |
| Địa điểm:<br>*Location:* | **18 Hùng Vương, phường Sóc Trăng, Thành phố Cần Thơ**<br>***18 Hung Vuong Street, Soc Trang ward, Can Tho city*** |
| Điện thoại/ *Tel*: | **0299. 3827717** |
| Email: | **lqsu1@cantho.gov.vn** |
| Website: | |

**Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa**
*Field of testing: Chemical*

| TT | Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested* | Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests* | Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement* | Phương pháp thử/ *Test method* |
|---|---|---|---|---|
| 1. | **Nước mặt** ***Surface water*** | Xác định nhu cầu oxy hóa học (COD) Phương pháp chuẩn độ *Determination of chemical oxygen demand (COD) Titrimetric method* | 5,0 mg/L | **(b)** SMEWW 5220B:2023 |
| 2. | | Xác định hàm lượng Nitơ tổng *Determination of total Nitrogen content* | 0,2 mg/L | **(b)** SMEWW 4500-N.C:2023 và/*and* SMEWW 4500 $NO_3^-$.E:2023 |

Chú thích/ *Note:*

- SMEWW: Phương pháp Tiêu chuẩn Phân tích Nước và Nước thải/ *Standard method for examination of water and wastewater*.
- (b): Phép thử mở rộng/ *Extended test* (08.2026/*August* 2026)

Trường hợp Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Can Tho City Natural Resource and Environment Monitoring Center that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*